KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2011/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-KTNN ngày 26/6/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-KTNN ngày 09/11/2010 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Hệ thống chuẩn mực Kiểm toán Nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế mẫu biểu các Biên bản kiểm toán ban hành kèm Quyết định số 02/2007/QĐ-KTNN ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán bằng mẫu biểu các Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán như sau:

- Thay Mẫu số 01/BBKT-NSBN bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-NSBN;
- Thay Mẫu số 02/BBKT-NSBN bằng Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSBN;
- Thay Mẫu số 03/BBKT-NSBN bằng Mẫu số 03/BCKT-TKT-NSBN;
- Thay Mẫu số 01/BBKT-NSĐP bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-NSĐP;
- Thay Mẫu số 02/BBKT-NSĐP bằng Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSĐP;
- Thay Mẫu số 03/BBKT-NSĐP bằng Mẫu số 03/BCKT-TKT-NSĐP;
- Thay Mẫu số 04/BBKT-NSĐP bằng Mẫu số 04/BCKT-TKT-NSĐP;
- Thay Mẫu số 05/BBKT-NSĐP bằng Mẫu số 05/BCKT-TKT-NSĐP;
- Thay Mẫu số 01/BBKT-ĐTDA bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-ĐTDA;
- Thay Mẫu số 01/BBKT-CTMT bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-CTMT;
- Thay Mẫu số 01/BBKT-DNNN bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-DNNN;

- Thay Mẫu số 01/BBKT-TCNH bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-TCNH;

- Thay Mẫu số 01/BBKT-CNI bằng Mẫu số 01/BCKT-TKT-QPAN&TCĐ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, Trưởng đoàn kiểm toán, các thành viên đoàn kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Vương Đình Huệ

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Mẫu số 01/BCKT-TKT-NSBN
(Áp dụng cho kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị dự toán thuộc Bộ, ngành)
(Ban hành kèm Quyết định số 01/2011/QĐ-KTNN ngày 21/6/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

..., ngày... tháng... năm...

Mẫu số 01/BCKT-TKT-NSBN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Thực hiện Quyết định số.../QĐ-KTNN ngày.../.../... của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm... của... *(Bộ, ngành)*, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn KTNN tại... của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành... đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm... của... từ ngày.../.../... đến.../.../...

1. Nội dung kiểm toán

(Ghi theo nội dung Tổ kiểm toán đã thực hiện kiểm toán tại đơn vị)

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Danh mục báo cáo tài chính được kiểm toán
- Năm ngân sách được kiểm toán

...

2.2. Giới hạn kiểm toán

(Nêu các giới hạn về nội dung các chỉ tiêu mà Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán bởi những lý do khách quan, chủ quan).

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật NSNN, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo tài chính năm... của... được lập ngày.../.../...

Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG			
A	**Kinh phí thường xuyên**			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
B	**Kinh phí không thường xuyên**			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
II	KINH PHÍ THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA NHÀ NƯỚC			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
III	KINH PHÍ DỰ ÁN			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
IV	KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			

Ghi chú: Đối với các loại - khoản kinh phí không kiểm toán, cột số liệu kiểm toán lấy theo số báo cáo của đơn vị và ghi rõ trong giới hạn kiểm toán.

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

(Giải thích nguyên nhân chênh lệch tổng quát giữa số báo cáo của đơn vị với số kiểm toán trên một số chỉ tiêu lớn). (Chi tiết tại phụ biểu số 01, 02a/BCKT-TKT-NSBN).

II. HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CÓ THU

Đơn vị tính:...

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ; trong đó:**			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1+2-3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:*** (*Giải thích số chênh lệch giữa số liệu báo cáo với số liệu kiểm toán, riêng các khoản phải nộp NSNN)*

(Chi tiết tại phụ biểu số 03a/BCKT-TKT-NSBN).

III. BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Đơn vị tính:...

Số hiệu TK	Tên tài khoản kế toán	Số báo cáo (Số dư CK)		Số kiểm toán (Số dư CK)		Chênh lệch	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	**Các tài khoản trong bảng**						
	...						
	Cộng						
B	**Các tài khoản ngoài bảng**						
	...						

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

(Chi tiết tại phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSBN).

PHẦN THỨ HAI
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính của...

1.1. Đối với nguồn kinh phí dự toán

1.2. Đối với hoạt động sự nghiệp có thu

2. Về việc tuân thủ luật, chính sách, chế độ tài chính của Nhà nước

2.1. Công tác lập dự toán và kế hoạch thu sự nghiệp

2.2. Chấp hành chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước do ngân sách cấp và các khoản thu sự nghiệp

2.3. Công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính

3. Đánh giá tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước do NSNN cấp và các khoản thu sự nghiệp tại đơn vị

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với đơn vị được kiểm toán

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của KTNN

1.2. Kiến nghị xử lý về tài chính

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán

1.4. Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến sai phạm trong quản lý, sử dụng tiền và tài sản Nhà nước

1.5. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán.

2. Đối với cơ quan chủ quản *(Bộ, ngành...)*

3. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan *(Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, ...)*

4. Đối với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội *(nếu có)*

* * *

Đề nghị... *(Tên đơn vị, cá nhân thực hiện kiến nghị)* thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về... *(Bộ, ngành)* để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành... địa chỉ 111 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày.../.../...

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, giảm dự toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ:

- Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm... theo Công văn số.../KTNN-CN... ngày .../.../... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại... *(đối với các đơn vị được kiểm toán mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước)*

hoặc

- Nộp NSNN theo Công văn số.../KTNN-CN... ngày .../.../... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại...).

(đối với các đơn vị được kiểm toán không mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, thực hiện kiến nghị kiểm toán thông qua chuyển khoản ngân hàng).

Báo cáo kiểm toán gồm... trang, từ trang... đến trang... và các Phụ biểu từ số... đến số... là bộ phận không tách rời của Báo cáo này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN
CHUYÊN NGÀNH...
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSBN

TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
I	**KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
	Loại... khoản...			
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN			
1	**Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
2	**Kinh phí thực nhận trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
3	**Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
4	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
	- Kinh phí khác			
5	**Kinh phí giảm trong năm** *(nộp trả, giảm khác)*			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
6	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3-4-5)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			
1	**Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
2	**Kinh phí thực nhận trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
3	**Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
4	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
5	**Kinh phí giảm trong năm** *(nộp trả, giảm khác)*			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
6	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3-4-5)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
	Loại... khoản...			
II	**KINH PHÍ THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			
III	**KINH PHÍ DỰ ÁN**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			
IV	**KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			

Ghi chú: Kinh phí theo đơn đặt hàng, kinh phí dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản ghi chi tiết theo từng loại - khoản, từng chỉ tiêu chi tiết như phần kinh phí thường xuyên. Đối với đơn vị không có nguồn viện trợ, khi phản ánh nguồn NSNN thì bỏ dòng "viện trợ".

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

Kinh phí năm trước chuyển sang: Tăng *(giảm)*..... đ, cụ thể

1. Nguồn kinh phí NSNN tăng *(giảm)*.....đ, trong đó:

- Ngân sách nhà nước giao (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

- Viện trợ (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

- Phí, lệ phí được để lại (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

2. Nguồn khác *(nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch)*

.....

.....

Ghi chú: Giải thích nguyên nhân chênh lệch của các chỉ tiêu từ "Kinh phí thực nhận trong năm" cho đến hết tương tự như trên.

Phụ biểu số 02a/BCKT-TKT-NSBN

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN THEO LOẠI KHOẢN VÀ MỤC LỤC NSNN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

TT	Chỉ tiêu	Chênh lệch			
		Cộng	Nộp NS	Giảm trừ DT	Chuyển QT năm sau
A	B	1	2	3	4
A	**NGUỒN NSNN (I + II + III)**				
I	**NSNN giao**				
1	**Chi thường xuyên**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
2	**Chi không thường xuyên**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
3	**Chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
4	**Chi dự án**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
5	**Chi đầu tư XDCB**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
II	**Phí, lệ phí để lại**				
	...				
III	**Viện trợ**				
	...				
B	**NGUỒN KHÁC**				
	...				
	Tổng cộng (A + B)				

Ghi chú: Phí, lệ phí để lại, viện trợ, nguồn khác ghi chi tiết giống như kinh phí ngân sách nhà nước giao và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước các khoản chênh lệch (nếu có).

Phụ biểu số 02b/BCKT-TKT-NSBN

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

Số TT	Nội dung	Các khoản thu hồi nộp NS	Các khoản chuyển QT năm sau	Giảm chi khác	...	Tổng cộng
I	**Chi sai chế độ**					
	...					
II	**Các khoản chi sai nguồn**					
	...					
	...					
	...					
	Tổng cộng					

Ghi chú: Ghi chi tiết theo từng khoản chi, nội dung chi.

Phụ biểu số 03a/BCKT-TKT-NSBN

TÌNH HÌNH THU, CHI SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
I	**HOẠT ĐỘNG...**			
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ**			
	Trong đó:			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1 + 2 - 3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			
II	**HOẠT ĐỘNG...**			
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ**			
	Trong đó:			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1 + 2 - 3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			
III	**HOẠT ĐỘNG...**			

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

.....

.....

Phụ biểu số 03b/BCKT-TKT-NSBN

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
	Tổng cộng			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
I	**Thuế (1 + 2 +...)**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
1	**Thuế GTGT**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
2	**Thuế TNDN**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
	...			
II	**Phí, lệ phí**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
III	**Các khoản phải nộp khác**			
1	Kinh phí thừa			
2	Thanh lý tài sản			
	...			

- *Ghi chú: Các khoản phải nộp khác lấy theo số còn phải nộp 31/12/...*

**** Giải thích các nguyên nhân chênh lệch:***

Phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSBN

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH MỘT SỐ TÀI KHOẢN TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:.....

Số TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		

Ghi chú:

- Ghi theo từng bút toán điều chỉnh

- Đối với các đơn vị có chênh lệch nhỏ có thể nêu nguyên nhân chênh lệch và bút toán hạch toán trực tiếp trên Báo cáo kiểm toán không phải lập biểu này.

Phụ biểu số 05/BCKT-TKT-NSBN

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM... TẠI...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	**Các khoản phải nộp NSNN**		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN		
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XDCB		
II	**Giảm thanh toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XDCB		
III	**Giảm trừ dự toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	**Các khoản giảm chi khác**		
	(Chi tiết các khoản)		
1			
2			
3			
...			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB
NĂM... CỦA BQLDA...

Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSBN
(Áp dụng cho kiểm toán việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB của các Ban QLDA thuộc Bộ, ngành)
(Ban hành kèm Quyết định số 01/2011/QĐ-KTNN ngày 21/6/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

....., ngày.... **tháng**..... **năm**.....

Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSBN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM... CỦA BQLDA...

Thực hiện Quyết định số..../QĐ-KTNN ngày.../.../... của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán... năm... của..... *(Bộ, ngành),* Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán Nhà nước tại... của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành... đã tiến hành kiểm toán việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB năm...của..., từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...

1. Nội dung kiểm toán

- Kiểm toán tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư XDCB;

- Kiểm toán chi phí hoạt động của BQL Dự án;

- Kiểm toán việc chấp hành Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các chính sách, chế độ của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án, công trình.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

Kiểm toán tổng hợp...dự án và kiểm toán chi tiết...dự án, cụ thể:

- Các dự án kiểm toán tổng hợp

+ Dự án...

- Các dự án kiểm toán chi tiết giá trị, cụ thể như sau:

+ Dự án...

(Ghi rõ các dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; dự án đã lập quyết toán nhưng chưa được phê duyệt; dự án hoàn thành chưa lập quyết toán vốn nhưng đã có quyết toán A - B; dự án đang thực hiện đầu tư,...)

- Năm ngân sách kiểm toán:... và các thời kỳ trước, sau có liên quan

2.2. Giới hạn kiểm toán

(Nêu các giới hạn về nội dung, phương pháp cũng như các chỉ tiêu mà Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán bởi những lý do khách quan, chủ quan).

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật NSNN, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Tổ kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên và Báo cáo quyết toán và các hồ sơ tài liệu có liên quan của dự án do BQL cung cấp *(Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSBN)*. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KIỂM TOÁN TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

1. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư *(Phụ biểu số 02/BCKT-TKT-NSBN)*

Đánh giá công tác thực hiện kế hoạch vốn đầu tư tại các dự án thuộc sự quản lý của BQLDA, trên cơ sở đó đưa ra các kết luận cho phù hợp về công tác bố trí vốn đầu tư cho các công trình chuyển tiếp, công trình khởi công mới, nhất là việc bố trí vốn để trả nợ cho các công trình hoàn thành, cho các dự án sử dụng vốn vay... *(có số và bằng chứng cụ thể)*.

2. Tình hình thực hiện công tác đấu thầu

Trên cơ sở danh mục các công trình hoặc hạng mục công trình *(HMCT)* do BQLDA quản lý được khởi công mới trong năm. Đánh giá trình tự và thủ tục lựa chọn nhà thầu để thực hiện các dự án nói trên theo một số nội dung chủ yếu:

2.1. Về các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu

- Số công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu theo quy định tại Nghị định *(hoặc Luật Đấu thầu)* số..., ngày... tháng... năm..., gồm:

+ Số công trình *(hoặc HMCT)* thực hiện đấu thầu là...; chiếm...% tổng số công trình *(hoặc HMCT)* phải đấu thầu;

+ Số công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu, nhưng cho phép chỉ định thầu là... công trình; chiếm...% tổng số công trình phải đấu thầu *(Phụ biểu số 03/BCKT-TKT-NSBN);*

+ Kết quả đấu thầu và chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu như sau:

* Kết quả đấu thầu và chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị các gói thầu; giá trị trúng thầu; chênh lệch)*.

* Kết quả chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị dự toán được duyệt; giá trị chỉ định thầu; chênh lệch)*.

Thông qua đó đánh giá hiệu quả của công tác đấu thầu; việc chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác đấu thầu... nêu các nguyên nhân không tổ chức đấu thầu, mức độ sai phạm...

2.2. Về các công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu

- Số công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu theo quy định tại Nghị định *(hoặc Luật Đấu thầu)* số..., ngày.../.../..., gồm:...

- Kết quả chọn thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị dự toán được duyệt; giá trị chọn thầu; chênh lệch)*.

Đánh giá tổng quát và chi tiết về tình hình đấu thầu, so sánh hiệu quả giữa các dự án đấu thầu với các dự án chỉ định thầu và giữa các dự án chỉ định thầu với các dự án không phải tổ chức đấu thầu... *(Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do BQL cung cấp và kết quả kiểm toán... dự án chi tiết nêu trên; lựa chọn thêm một số thông tin về các dự án khác do BQL thực hiện)*.

3. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình và quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo năm ngân sách

3.1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình

Qua kiểm toán cho thấy đến ngày 31/12/... (*ghi theo năm tài chính kiểm toán)* BQL... hiện đang quản lý... dự án *(công trình)* đã hoàn thành, gồm:

- ... dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư trong năm ngân sách được kiểm toán với tổng số vốn đầu tư được phê duyệt là..., giảm... *(so sánh với giá trị chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; so sánh với giá trị quyết toán A-B; so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*;

- ... dự án hoàn thành chủ đầu tư đã gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư cho... *(Bộ, ngành)* để phê duyệt nhưng chưa được phê duyệt với tổng số vốn đầu tư đề nghị phê duyệt là..., giảm... *(so sánh với giá trị quyết toán A-B; so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*, trong đó có... dự án thời gian phê duyệt chậm so với Luật định.

- ... dự án hoàn thành, nhưng chủ đầu tư chưa lập được Báo cáo quyết toán vốn đầu tư để trình...*(Bộ, ngành)* phê duyệt với tổng số giá trị A-B đề nghị quyết toán là... giảm... *(so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*, trong đó có... dự án đã hoàn thành chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư chậm so với quy định.

- ... dự án hoàn thành, nhưng chưa lập được quyết toán A-B, với tổng giá trị trúng thầu hoặc giá chỉ định thầu được duyệt là...

Đánh giá công tác lập báo cáo và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư của BQL và của Bộ, ngành. Nguyên nhân lập và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư chậm, mức độ vi phạm...

3.2. Tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng năm ngân sách

- Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng trong năm...

- Tổng vốn đầu tư xây dựng đã thực hiện trong năm...

- Số vốn đầu tư xây dựng chưa được quyết toán năm...

4. Nợ đọng xây dựng cơ bản

Xác định số nợ đọng XDCB của BQLDA; phân tích, xác định rõ nguyên nhân nợ đọng... cũng như trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng này *(nếu có)*.

5. Công tác quản lý vật tư, tài sản dự án

...

II. KIỂM TOÁN CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN

Đánh giá việc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án được kiểm toán *(quy định tại Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng...)*. Cụ thể như sau:

1. Kiểm toán dự án đã phê duyệt quyết toán

1.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng

- Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư
- Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán
- Giấy phép xây dựng
- Công tác lựa chọn nhà thầu xây dựng, hợp đồng kinh tế, bảo lãnh hợp đồng,...
- Công tác giám sát, nghiệm thu, quản lý chất lượng công trình; tình hình chấp hành thiết kế kỹ thuật được duyệt, chấp hành thủ tục và giấy phép xây dựng,...

1.2. Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án

- Số báo cáo:
- Số kiểm toán:
- Chênh lệch:

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch*:**

1.3. Đánh giá hiệu quả thực hiện dự án

- Đánh giá về quy mô dự án *(hợp lý hay không hợp lý)*:
- Đánh giá về lựa chọn địa điểm đầu tư:
- Đánh giá về phương án thiết kế, lựa chọn công nghệ, phương án tài chính,...

2. Kiểm toán dự án chưa phê duyệt quyết toán

2.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng *(Như điểm 1.1 nêu trên)*

2.2. Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án hoặc của một số gói thầu được chọn kiểm toán *(Như điểm 1.2 nêu trên)*

2.3. Đánh giá hiệu quả của dự án *(Như điểm 1.3 nêu trên)*

3. Kiểm toán dự án đang thực hiện

3.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng *(Như điểm 1.1 nêu trên)*

3.2. Kiểm toán giá trị một số gói thầu của dự án

- Giá trị gói thầu:

- Số kiểm toán:

- Chênh lệch:

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

3.3. Đánh giá hiệu quả của dự án *(Như điểm 1.3 nêu trên)*

4. Kết quả kiểm toán chi tiết dự án, gói thầu *(Phụ biểu số 04 và 05/BCKT-TK-NSBN)*

III. KIỂM TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BQLDA

1. Đối với BQLDA được NSNN cấp kinh phí hoạt động riêng *(nội dung kiểm toán áp dụng như đơn vị dự toán cấp 3)*

2. Đối với BQLDA, nguồn kinh phí hoạt động được trích theo tỷ lệ % quy định từ nguồn vốn đầu tư của từng dự án *(nội dung kiểm toán cơ bản áp dụng đối với đơn vị dự toán cấp 3 nhưng không phải phân theo mục lục NSNN)*

IV. KIỂM TOÁN VIỆC CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Tổ chức bộ máy kế toán

2. Chứng từ kế toán

3. Hệ thống tài khoản và sổ kế toán áp dụng

4. Báo cáo quyết toán

PHẦN THỨ HAI
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Xác nhận số liệu cơ bản của dự án theo kết quả kiểm toán:

- Nguồn vốn

- Vốn đầu tư thực hiện (*nếu không đủ điều kiện xác nhận số báo cáo thì xác nhận theo giá trị Báo cáo được kiểm toán)*

2. Chấp hành các luật, quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; chế độ tài chính - kế toán và văn bản pháp luật có liên quan

2.1. Chấp hành Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu; các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

2.2. Chấp hành chế độ quản lý tài chính, kế toán

2.3. Chấp hành các văn bản pháp luật khác có liên quan

3. Những phát hiện về sự bất cập của chính sách, chế độ và cơ chế quản lý đối với dự án

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với BQL dự án...

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của KTNN.

1.2. Kiến nghị xử lý các vấn đề tài chính *(trong đó nêu rõ: số đề nghị nộp NSNN, số đề nghị giảm cấp phát, giảm khác,...)*

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán, công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1.4. Xử lý trách nhiệm tập thể và cá nhân có sai phạm

1.5. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán.

2. Đối với cơ quan cấp trên của chủ đầu tư *(Bộ, ngành)*

3. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan *(Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế,...)*

4. Đối với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ *(nếu có)*

* * *

Đề nghị... *(đơn vị, cá nhân thực hiện kiến nghị)* thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về... *(Bộ, ngành)* để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành..., địa chỉ 111 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày.../.../...

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, giảm dự toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ:

- Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm... theo Công văn số.../KTNN-CN... ngày..... /...../.... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại... *(đối với các đơn vị được kiểm toán mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước)*

hoặc

- Nộp NSNN theo Công văn số.../KTNN-CN... ngày... /..../.... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại...). *(đối với các đơn vị được kiểm toán không mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, thực hiện kiến nghị kiểm toán thông qua chuyển khoản ngân hàng).*

Báo cáo kiểm toán gồm... trang, từ trang... đến trang... và các Phụ biểu từ số... đến số... là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN	**TRƯỞNG ĐOÀN KTNN**
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)	***(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)***

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH...
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSBN

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN... DO BQLDA CUNG CẤP

STT	Số, ngày...của văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Tổng giá trị được duyệt *(nếu có)*	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Quyết định số...ngày.../.../...	Phê duyệt LCKTKT	Bộ *(tỉnh)*...		
2	...				
3	...				

Phụ biểu số 02/BCKT-TKT-NSBN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM... CỦA BQLDA...

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu (dự án)	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán được duyệt	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng hoàn thành năm...				Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành đến hết năm...				Giá trị thanh toán năm...				Luỹ kế giá trị thanh toán đến hết năm...			
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng số																				
I. Nguồn vốn tập trung																				
1. Công trình khởi công mới trong năm KH																				
2. Công trình chuyển tiếp																				
3. Công trình hoàn thành, chưa thanh toán xong nhưng không được ghi KH																				
...																				
II. Nguồn khác																				

Phụ biểu số 03/BCKT-TKT-NSBN

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DIỆN PHẢI ĐẤU THẦU, NHƯNG THỰC HIỆN CHỈ ĐỊNH THẦU HOẶC...

STT	Tên dự án, công trình (hạng mục công trình)	Giá trị dự toán được duyệt (đvt)	Giá chỉ định thầu (đvt)	Chênh lệch (đvt)	Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Người ký	Ghi chú
	Tổng cộng								

Phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSBN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN...

Đơn vị tính:.....

TT	Tên dự án	Số báo cáo[1]	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Thanh toán (hoặc CP) đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
					Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng số	Nộp NSNN	Giảm thanh toán	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Các dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư**											
1												
2												
II	**Các dự án đã lập quyết toán vốn đầu tư nhưng chưa được phê duyệt**											
1												
2												
III	**Các dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán vốn nhưng đã có quyết toán A + B**											
1												
2												
IV	**Các dự án đang thực hiện**											
1												
2												
	Tổng cộng											

[1] *Giá trị báo cáo được kiểm toán.*

Phụ biểu số 05/BCKT-TKT-NSBN

CHI TIẾT GIẢM TRỪ

Công trình:...

Hạng mục:...

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng Báo cáo Khối lượng kiểm toán	Đơn giá báo cáo Đơn giá Kiểm toán	Thành tiền báo cáo Thành tiền kiểm toán	Thành tiền chênh lệch	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1*2	4	5
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
	Cộng						

Ghi chú: Số gạch chân là số liệu của đơn vị, số không gạch chân là số liệu của Kiểm toán Nhà nước
Mẫu này áp dụng cho công trình đấu thầu lập đơn giá tổng hợp

Phụ biểu số 05a/BCKT-TKT-NSBN

TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH DO KTNN XÁC ĐỊNH

Công trình:...

Hạng mục:...

	Nội dung công việc			Hệ số	Tổng số
I	**Chi phí trực tiếp**				
	Chi phí vật liệu:	(A)	x		=
	Chi phí nhân công:	(B)	x		=
	Chi phí máy thi công:	(C)	x		=
	Chi phí trực tiếp khác	(D)	x		=
II	**Chi phí chung:**		**x**		**=**
	...				
III	**Thu nhập chịu thuế tính trước:**		**x**		=
	...				
IV	**Thuế giá trị gia tăng đầu ra:**		**x**		**=**
	...				
	Cộng				

Ghi chú:

- Các hệ số thay đổi theo chế độ hiện hành và nếu công trình đấu thầu thì theo hệ số do các đơn vị dự thầu lập.

- Mẫu này áp dụng cho công trình đấu thầu lập theo đơn giá chi tiết hoặc công trình chỉ định thầu.

Phụ biểu số 05b/BCKT-TKT-NSBN

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH

Công trình:...

Hạng mục:...

STT	Mã	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng đơn vị Khối lượng kiểm toán	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu đơn vị Vật liệu kiểm toán	Nhân công đơn vị Nhân công kiểm toán	Máy thi công đơn vị Máy thi công kiểm toán	Vật liệu đơn vị Vật liệu kiểm toán	Nhân công đơn vị Nhân công kiểm toán	Máy thi công đơn vị Máy thi công kiểm toán
1 2 3 4 5 6										
Cộng Cộng										
Tổng các chênh lệch										

Ghi chú: Số gạch chân là số liệu của đơn vị, số không gạch chân là số liệu của Kiểm toán Nhà nước.

Phụ biểu số 05c/BCKT-TKT-NSBN

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH GIÁ VẬT LIỆU

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Khối lượng Báo cáo Khối lượng kiểm toán	Giá gốc báo cáo Giá gốc kiểm toán	Giá thiết bị báo cáo Giá thiết bị kiểm toán	Hệ số	Chênh lệch báo cáo Chênh lệch kiểm toán	Giảm trừ
			- - - - - -		- - - - - -	- - - - - -	- - - - - -	
	Cộng		-		-	-	-	

Ghi chú: Số gạch chân là số liệu của đơn vị, số không gạch chân là số liệu của Kiểm toán Nhà nước

Phụ biểu số 06/BCKT-TKT-NSBN

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM... CỦA....

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	**Các khoản phải nộp NSNN**		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN		
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XDCB		
II	**Giảm thanh toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XDCB		
III	**Giảm trừ dự toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	**Các khoản giảm chi khác**		
	(Chi tiết các khoản)		
1			
2			
3			
...			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Mẫu số 03/BCKT-TKT-NSBN
(Áp dụng cho kiểm toán Báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, ngành)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/ QĐ-KTNN ngày 21/6/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

....., ngày..... **tháng**..... **năm**.....

Mẫu số 03/BCKT-TKT-NSBN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Thực hiện Quyết định số... /QĐ-KTNN ngày.../.../... của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước năm... của... *(Bộ, ngành)* Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán Nhà nước... của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành... tiến hành kiểm toán... của... từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...

1. Nội dung kiểm toán

(*Ghi theo nội dung mà Tổ kiểm toán đã thực hiện kiểm toán tại đơn vị)*

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Quy mô, tỷ trọng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được kiểm toán so với tổng thể của đơn vị được kiểm toán: doanh thu và thu nhập; tổng chi phí; tổng lợi nhuận kế toán trước thuế *(đơn vị lỗ, đơn vị lãi)*; các khoản còn phải nộp NSNN... *(theo số liệu kiểm toán).*

- Năm tài chính được kiểm toán:...

...

2.2. Giới hạn kiểm toán

(Nêu các giới hạn về các nội dung, chỉ tiêu mà Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán bởi những lý do khách quan, chủ quan).

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Kế toán, Luật Thuế, Chuẩn mực kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Tổ kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm... của... *(được lập ngày... tháng... năm...)* và các tài liệu có liên quan. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI...

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán ghi theo chế độ kế toán hiện hành				

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	ĐVT	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán ghi theo chế độ kế toán hiện hành				

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

(Giải thích nguyên nhân chênh lệch của từng chỉ tiêu theo trình tự trong Bảng cân đối kế toán cả tăng và giảm).

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm...

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh ghi theo chế độ kế toán hiện hành				

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

(Giải thích nguyên nhân chênh lệch của từng chỉ tiêu theo trình tự trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh cả tăng và giảm).

III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NSNN...

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I. Thuế				
(Chi tiết các chỉ tiêu theo chế độ kế toán và các sắc thuế quy định tại các Luật Thuế và các thông tư hướng dẫn hiện hành)				
II. Các khoản phải thu khác				
(Chi tiết các chỉ tiêu theo chế độ kế toán và các quy định tại các luật và các thông tư hướng dẫn hiện hành)				
Tổng cộng *(I + II)*				
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				

(Ghi nhận các khoản thuế và các khoản nộp thừa vào NSNN, không bao gồm Thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn).

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I. Thuế				
(Chi tiết các chỉ tiêu theo chế độ kế toán và các sắc thuế quy định tại các Luật Thuế và các thông tư hướng dẫn hiện hành)				
II. Các khoản phải nộp khác				
(Chi tiết các chỉ tiêu theo chế độ kế toán và các quy định tại các luật và các thông tư hướng dẫn hiện hành)				
Tổng cộng *(I + II)*				
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

(Giải trình nguyên nhân chênh lệch của từng chỉ tiêu tại mục 1 này theo trình tự của các chỉ tiêu trong biểu trên cả tăng và giảm).

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

(Giải trình nguyên nhân chênh lệch của từng chỉ tiêu tại mục 2 này theo trình tự của các chỉ tiêu trong biểu trên cả tăng và giảm).

...

IV. KIỂM TOÁN VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN; TÍNH KINH TẾ, HIỆU QUẢ TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ

1. Về công tác quản lý tài chính

1.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

- Quản lý tài sản ngắn hạn;
- Quản lý tài sản dài hạn;
- Quản lý nợ phải trả;
- Quản lý vốn chủ sở hữu.

1.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

- Quản lý doanh thu, thu nhập;
- Quản lý chi phí;
- Quản lý kết quả và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3. Việc thực hiện nghĩa vụ NSNN

2. Về tính kinh tế, tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài sản, vốn nhà nước của đơn vị được kiểm toán

...

3. Về công tác kế toán

Đánh giá về công tác kế toán của đơn vị trên các mặt cơ bản sau:

- Tổ chức bộ máy kế toán;
- Chứng từ kế toán;
- Hạch toán kế toán;
- Sổ kế toán;
- Báo cáo tài chính;
- Việc chỉ đạo, kiểm tra công tác kế toán.

PHẦN THỨ HAI
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính...

2. Về tính tuân thủ pháp luật; chế độ tài chính kế toán; nội quy, quy chế mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện...

Kết luận về mức độ tuân thủ; mức độ sai sót *(sai phạm)* trong việc chấp hành các quy định của:

- Quy chế quản lý tài chính;
- Luật kế toán và chế độ kế toán;
- Các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD của đơn vị được kiểm toán;
- Quy chế, nội quy của cấp trên và của đơn vị...

3. Về công tác kế toán

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với đơn vị được kiểm toán

1.1. Kiến nghị điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính theo ý kiến kết luận của Kiểm toán Nhà nước;

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính theo kết quả kiểm toán;

1.3. Kiến nghị về chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán ở đơn vị;

1.4. Kiến nghị xác định và xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân;

1.5. Kiến nghị cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ...

2. Đối với cơ quan quản lý cấp trên

3. Đối với cơ quan quản lý nhà nước liên quan *(Bộ Tài chính...)*

4. Đối với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ *(nếu có)*

* * *

Đề nghị... *(đơn vị, cá nhân thực hiện kiến nghị)* thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về... *(Bộ, ngành)* để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành..., địa chỉ 111 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày.../.../...

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, giảm dự toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ:

- Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm... theo Công văn số.../KTNN-CN... ngày..../...../..... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại... *(đối với các đơn vị được kiểm toán mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước)*

hoặc

- Nộp NSNN theo Công văn số.../KTNN-CN..... ngày.../..../..... của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại...). *(đối với các đơn vị được kiểm toán không mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, thực hiện kiến nghị kiểm toán thông qua chuyển khoản ngân hàng).*

Báo cáo kiểm toán gồm... trang, từ trang... đến trang..., và các Phụ biểu từ số... đến số... là bộ phận không tách rời Báo cáo này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN	**TRƯỞNG ĐOÀN KTNN**
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTV NN)	***(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTV NN)***

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH...
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSBN

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
	Các khoản phải nộp NSNN		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN		
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	...		
12	...		

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Mẫu số 01/BCKT-TKT-NSĐP
(Áp dụng cho kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị dự toán thuộc các Tỉnh, TP)
(Ban hành kèm Quyết định số 01/2011/QĐ-KTNN ngày 21/6/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

......, ngày..... **tháng**..... **năm**.....

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSBN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM... CỦA...

Thực hiện Quyết định số... /QĐ-KTNN ngày.../.../... của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước năm..... của..... *(tỉnh, thành phố)*, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn Kiểm toán Nhà nước tại..... của Kiểm toán Nhà nước Khu vực... đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm... của... từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...

1. Nội dung kiểm toán

(Ghi theo nội dung Tổ kiểm toán đã thực hiện kiểm toán tại đơn vị)

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Danh mục báo cáo tài chính được kiểm toán;
- Năm ngân sách được kiểm toán:...

...

2.2. Giới hạn kiểm toán

(Nêu các giới hạn về nội dung các chỉ tiêu mà Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán bởi những lý do khách quan, chủ quan).

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật NSNN, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo tài chính năm... của... *(lập ngày... tháng... năm...)*. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG			
A	**Kinh phí thường xuyên**			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
B	**Kinh phí không thường xuyên**			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
II	KINH PHÍ THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA NHÀ NƯỚC			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
III	KINH PHÍ DỰ ÁN			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
IV	KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			

Ghi chú: *Đối với các khoản kinh phí không kiểm toán, cột số liệu kiểm toán lấy theo số báo cáo của đơn vị và ghi rõ trong giới hạn kiểm toán.*

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

Giải thích nguyên nhân chênh lệch tổng quát giữa số báo cáo của đơn vị với số kiểm toán trên một số chỉ tiêu lớn. (Chi tiết tại phụ biểu số 01; 02, 02a/BCKT-TKT-NSĐP).

II. HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CÓ THU

Đơn vị tính:...

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ; trong đó:**			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1 + 2 - 3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:*** *Giải thích số chênh lệch giữa số liệu báo cáo với số liệu kiểm toán, riêng các khoản phải nộp NSNN (Chi tiết tại phụ biểu số 03b/BCKT-TKT-NSĐP).*

III. BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Đơn vị tính:...

Số hiệu TK	Tên tài khoản kế toán	Số báo cáo (Số dư CK)		Số kiểm toán (Số dư CK)		Chênh lệch	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	**Các tài khoản trong bảng**						
	...						
	Cộng						
B	**Các tài khoản ngoài bảng**						
	...						

**** Nguyên nhân chênh lệch:*** *(Chi tiết tại phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSĐP).*

PHẦN THỨ HAI
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính của...

1.1. Đối với nguồn kinh phí dự toán

1.2. Đối với hoạt động sự nghiệp có thu

2. Về việc tuân thủ luật, chính sách, chế độ tài chính của Nhà nước

2.1. Công tác lập dự toán và kế hoạch thu sự nghiệp

2.2. Chấp hành chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước do ngân sách cấp và các khoản thu sự nghiệp

2.3. Công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính

3. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước do NSNN cấp và các khoản thu sự nghiệp tại đơn vị

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với đơn vị được kiểm toán

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của KTNN

1.2. Kiến nghị xử lý về tài chính

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán

1.4. Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến sai phạm trong quản lý, sử dụng tiền và tài sản Nhà nước

1.5. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán.

2. Đối với cơ quan chủ quản *(UBND,...)*

3. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan *(Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế,...)*

4. Đối với Thủ tướng chính phủ, Chính phủ, Quốc hội *(nếu có)*

* * *

Đề nghị... *(đơn vị, cá nhân thực hiện kiến nghị)* thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính - Vật giá *(hoặc cơ quan chủ quản - ghi rõ tên*) để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực... địa chỉ... trước ngày... tháng... năm...

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, giảm dự toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ:

- Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm... theo Công văn số.../KV...- ... ngày... /... /.... của Kiểm toán Nhà nước khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại... *(đối với các đơn vị được kiểm toán mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước)*

hoặc

- Nộp NSNN theo Công văn số.../KV...- ... ngày..../..../.... của Kiểm toán Nhà nước khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại...). *(đối với các đơn vị được kiểm toán không mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, thực hiện kiến nghị kiểm toán thông qua chuyển khoản ngân hàng).*

Báo cáo kiểm toán gồm... trang, từ trang... đến trang... và các Phụ biểu từ số... đến số... là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN	**TRƯỞNG ĐOÀN KTNN**
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)	*(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)*

KIỂM TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSĐP

TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:.....

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 -1
I	**KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
	Loại... khoản...			
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN			
1	**Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
2	**Kinh phí thực nhận trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
3	**Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 -1
4	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
5	**Kinh phí giảm trong năm** *(nộp trả, giảm khác)*			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
6	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			
1	**Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 -1
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
2	**Kinh phí thực nhận trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
3	**Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
4	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
5	**Kinh phí giảm trong năm** *(nộp trả, giảm khác)*			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 -1
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
6	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)**			
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
	Loại... khoản...			
II	**KINH PHÍ THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			
III	**KINH PHÍ DỰ ÁN**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 -1
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			
IV	**KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB**			
	Loại... khoản...			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang			
2	Kinh phí thực nhận trong năm			
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm			
5	Kinh phí giảm trong năm *(nộp trả, giảm khác)*			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
	Loại... khoản...			
	...			

Ghi chú: Kinh phí theo đơn đặt hàng, kinh phí dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản ghi chi tiết theo từng loại - khoản, từng chỉ tiêu chi tiết như phần kinh phí thường xuyên. Đối với đơn vị không có nguồn viện trợ, khi phản ánh nguồn NSNN thì bỏ dòng "viện trợ".

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

Kinh phí năm trước chuyển sang: Tăng *(giảm)*..... đ, cụ thể

1. Nguồn kinh phí NSNN tăng *(giảm)*.....đ, trong đó:

- Ngân sách nhà nước giao (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

- Viện trợ (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

- Phí, lệ phí được để lại (nêu chi tiết nguyên nhân chênh lệch theo từng loại khoản)

2. Nguồn khác (nêu rõ nguyên nhân chênh lệch)

Ghi chú: Giải thích nguyên nhân chênh lệch của các chỉ tiêu từ "Kinh phí thực nhận trong năm" cho đến hết tương tự như trên.

Phụ biểu số 02/BCKT-TKT-NSĐP

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN THEO LOẠI KHOẢN VÀ MỤC LỤC NSNN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

TT	Chỉ tiêu	Chênh lệch			
		Cộng	Nộp NS	Giảm trừ DT	Chuyển QT năm sau
A	B	1	2	3	4
A	**NGUỒN NSNN (I + II + III)**				
I	**NSNN giao**				
1	**Chi thường xuyên**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
2	**Chi không thường xuyên**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
3	**Chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
4	**Chi dự án**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
5	**Chi đầu tư XDCB**				
	Loại... khoản...				
	Mục 100...				
	...				
II	**Phí, lệ phí để lại**				
	...				
III	**Viện trợ**				
	...				
B	**NGUỒN KHÁC**				
	...				
	Tổng cộng (A + B)				

Ghi chú: Phí, lệ phí để lại, viện trợ, nguồn khác ghi chi tiết giống như kinh phí ngân sách nhà nước giao và chi tiết theo mục lục NSNN các khoản chênh lệch (nếu có).

Phụ biểu số 02a/BCKT-TKT-NSĐP

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

Số TT	Nội dung	Các khoản thu hồi nộp NS	Các khoản chuyển QT năm sau	Giảm chi khác	...	Tổng cộng
I	**Chi sai chế độ**					
	...					
II	**Các khoản chi sai nguồn**					
	...					
	...					
	...					
	Tổng cộng					

Ghi chú: Ghi chi tiết theo từng khoản chi, nội dung chi

Phụ biểu số 03a/BCKT-TKT-NSĐP

TÌNH HÌNH THU, CHI SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
I	**HOẠT ĐỘNG...**			
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ**			
	Trong đó:			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1 + 2 - 3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			
II	**HOẠT ĐỘNG...**			
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang**			
2	**Thu trong kỳ**			
3	**Chi trong kỳ**			
	Trong đó:			
	- Giá vốn hàng bán			
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (1 + 2 - 3)**			
5	**Nộp NSNN kỳ này**			
6	**Nộp cấp trên kỳ này**			
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**			
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**			
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (4 - 5 - 6 - 7 - 8)**			
III	**HOẠT ĐỘNG...**			

**** Giải thích nguyên nhân chênh lệch:***

Ghi chú: Đối với các đơn vị có chênh lệch nhỏ có thể nêu nguyên nhân chênh lệch trực tiếp vào Báo cáo kiểm toán không phải lập biểu này.

Phụ biểu số 03b/BCKT-TKT-NSĐP

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
	Tổng cộng			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
I	**Thuế (1 + 2 +...)**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
1	**Thuế GTGT**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
2	**Thuế TNDN**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
II	**Phí, lệ phí**			
	Số còn phải nộp đầu năm			
	Số phát sinh phải nộp trong năm			
	Số đã nộp trong năm			
	Số còn phải nộp cuối năm			
III	**Các khoản phải nộp khác**			
1	Kinh phí thừa			
2	Thanh lý tài sản			
	...			

- Ghi chú: Các khoản phải nộp khác lấy theo số còn phải nộp 31/12/...

**** Giải thích các nguyên nhân chênh lệch:***

Phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSĐP

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH MỘT SỐ TÀI KHOẢN TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

Số TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		

Ghi chú:

- Ghi theo từng bút toán điều chỉnh

Phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSĐP

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM...
TẠI... (*tên đơn vị được kiểm toán)*

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	**Các khoản phải nộp NSNN**		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN		
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XDCB		
II	**Giảm thanh toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XDCB		
III	**Giảm trừ dự toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	**Các khoản giảm chi khác**		
	(Chi tiết các khoản)		
1			
2			
3			
...			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM... CỦA BQLDA...

Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSĐP

(Áp dụng cho kiểm toán việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB của các Ban QLDA thuộc tỉnh, thành phố)

(Ban hành kèm Quyết định số 01/2011/QĐ-KTNN ngày 21/6/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

..., **ngày**... **tháng**... **năm**.....

Mẫu số 02/BCKT-TKT-NSĐP

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm....

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM... CỦA BQLDA...

Thực hiện Quyết định số... /QĐ-KTNN ngày.../.../... của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước năm... của... *(tỉnh, thành phố)*, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn Kiểm toán Nhà nước tại... của Kiểm toán Nhà nước Khu vực... đã tiến hành kiểm toán việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB năm... của..., từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...

1. Nội dung kiểm toán

- Kiểm toán tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư XDCB;
- Kiểm toán chi phí hoạt động của BQLDA;
- Kiểm toán việc chấp hành Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các chính sách, chế độ của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án, công trình.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

Kiểm toán tổng hợp...dự án và kiểm toán chi tiết...dự án, cụ thể:

- Các dự án kiểm toán tổng hợp

+ Dự án...

- Các dự án kiểm toán chi tiết giá trị, cụ thể như sau:

+ Dự án...

(Ghi rõ các dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; dự án đã lập quyết toán nhưng chưa được phê duyệt; dự án hoàn thành chưa lập quyết toán vốn nhưng đã có quyết toán A - B; dự án đang thực hiện đầu tư,...)

- Năm ngân sách kiểm toán:... và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

2.2. Giới hạn kiểm toán

Nêu các giới hạn về nội dung, phương pháp cũng như các chỉ tiêu mà Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán bởi những lý do khách quan, chủ quan.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật NSNN, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, các Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo quyết toán và các hồ sơ tài liệu có liên quan của dự án do BQL cung cấp *(Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSĐP)*. Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KIỂM TOÁN TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

1. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư

(Phụ biểu số 02/BCKT-TKT-NSĐP)

Đánh giá công tác thực hiện kế hoạch vốn đầu tư tại các dự án thuộc sự quản lý của BQLDA, trên cơ sở đó đưa ra các kết luận cho phù hợp về công tác bố trí vốn đầu tư cho các công trình chuyển tiếp, công trình khởi công mới, nhất là việc bố trí vốn để trả nợ cho các công trình hoàn thành, cho các dự án sử dụng vốn vay... *(Có số và bằng chứng cụ thể)*.

2. Tình hình thực hiện công tác đấu thầu

Trên cơ sở danh mục các công trình hoặc hạng mục công trình *(hoặc HMCT)* do BQLDA quản lý được khởi công mới trong năm. Đánh giá trình tự và thủ tục lựa chọn nhà thầu để thực hiện các dự án nói trên theo một số nội dung chủ yếu sau:

2.1. Về các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu

- Số công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu theo quy định tại Nghị định *(hoặc Luật Đấu thầu)* số..., ngày... tháng... năm..., gồm:

+ Số công trình *(hoặc HMCT)* thực hiện đấu thầu là...; chiếm...% tổng số công trình *(hoặc HMCT)* phải đấu thầu;

+ Số công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu, nhưng cho phép chỉ định thầu là... công trình; chiếm...% tổng số công trình phải đấu thầu *(Phụ biểu số 03/BCKT-TKT-NSĐP)*;

+ Kết quả đấu thầu và chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu như sau:

* Kết quả đấu thầu và chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị các gói thầu; giá trị trúng thầu; chênh lệch)*.

* Kết quả chỉ định thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* thuộc diện phải đấu thầu theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị dự toán được duyệt; giá trị chỉ định thầu; chênh lệch)*.

Thông qua đó đánh giá hiệu quả của công tác đầu thầu; việc chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác đấu thầu...nếu các nguyên nhân không tổ chức đấu thầu, mức độ sai phạm....

2.2. Về các công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu

- Số công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu theo quy định tại Nghị định *(hoặc Luật Đấu thầu)* số...., ngày...tháng...năm..., gồm:...

- Kết quả chọn thầu của các công trình *(hoặc HMCT)* không thuộc diện phải đấu thầu theo các chỉ tiêu sau *(tổng giá trị dự toán được duyệt; giá trị chọn thầu; chênh lệch).*

Đánh giá tổng quát và chi tiết về tình hình đấu thầu, so sánh hiệu quả giữa các dự án đấu thầu với các dự án chỉ định thầu và giữa các dự án chỉ định thầu với các dự án không phải tổ chức đấu thầu...*(trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do BQL cung cấp và kết quả kiểm toán... dự án chi tiết nêu trên; lựa chọn thêm một số thông tin về các dự án khác do BQL thực hiện)*

3. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình và quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo năm ngân sách

3.1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình

Qua kiểm toán cho thấy đến ngày 31/12/... *(ghi theo năm tài chính kiểm toán)* BQL...hiện đang quản lý... dự án *(công trình)* đã hoàn thành, gồm:

- ...dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư trong năm ngân sách được kiểm toán với tổng số vốn đầu tư được phê duyệt là...., giảm... *(So sánh với giá trị chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; so sánh với giá trị quyết toán A-B; so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*;

- ...dự án hoàn thành chủ đầu tư đã gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư cho UBND để phê duyệt nhưng chưa được phê duyệt với tổng số vốn đầu tư đề nghị phê duyệt là...., giảm... *(so sánh với giá trị quyết toán A-B; so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*, trong đó có... dự án thời gian phê duyệt chậm so với Luật định.

- ...dự án hoàn thành, nhưng chủ đầu tư chưa lập được Báo cáo quyết toán vốn đầu tư để trình UBND phê duyệt với tổng số giá trị A-B đề nghị quyết toán là...giảm... *(so sánh với tổng dự toán và với tổng mức đầu tư được duyệt)*, trong đó có... dự án đã hoàn thành chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư chậm so với quy định.

- ...dự án hoàn thành, nhưng chưa lập được quyết toán A-B, với tổng giá trị trúng thầu hoặc giá chỉ định thầu được duyệt là...

Đánh giá công tác lập báo cáo và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư của BQL và của địa phương. Nguyên nhân lập và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư chậm, mức độ vi phạm...

3.2. Tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng năm ngân sách

- Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng trong năm...

- Tổng vốn đầu tư xây dựng đã thực hiện trong năm...

- Số vốn đầu tư xây dựng chưa được quyết toán năm...

4. Nợ đọng xây dựng cơ bản

Xác định số nợ đọng XDCB của BQLDA; phân tích, xác định rõ nguyên nhân nợ đọng... cũng như trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng này *(nếu có)*.

5. Công tác quản lý vật tư, tài sản dự án

II. KIỂM TOÁN CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN

Đánh giá việc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án được kiểm toán *(quy định tại Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng...)*. Cụ thể như sau:

1. Kiểm toán dự án đã phê duyệt quyết toán

1.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng

- Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư
- Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán
- Giấy phép xây dựng
- Công tác lựa chọn nhà thầu xây dựng, hợp đồng kinh tế, bảo lãnh hợp đồng,...
- Công tác giám sát, nghiệm thu, quản lý chất lượng công trình; tình hình chấp hành thiết kế kỹ thuật được duyệt, chấp hành thủ tục và giấy phép xây dựng,...

1.2. Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án

- Số báo cáo:
- Số kiểm toán:
- Chênh lệch:

** Nguyên nhân chênh lệch*:

1.3. Đánh giá hiệu quả thực hiện dự án

- Đánh giá về quy mô dự án *(hợp lý hay không hợp lý):*
- Đánh giá về lựa chọn địa điểm đầu tư:
- Đánh giá về phương án thiết kế, lựa chọn công nghệ, phương án tài chính,...

2. Kiểm toán dự án chưa phê duyệt quyết toán

2.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng *(như điểm 1.1 nêu trên)*

2.2. Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án hoặc của một số gói thầu được chọn kiểm toán *(như điểm 1.2 nêu trên)*

2.3. Đánh giá hiệu quả của dự án *(như điểm 1.3 nêu trên)*

3. Kiểm toán dự án đang thực hiện

3.1. Kiểm toán việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng *(như điểm 1.1 nêu trên)*

3.2. Kiểm toán giá trị một số gói thầu của dự án

- Giá trị gói thầu:

- Số kiểm toán:

- Chênh lệch:

** Nguyên nhân chênh lệch:*

3.3. Đánh giá hiệu quả của dự án *(như điểm 1.3 nêu trên)*

4. Kết quả kiểm toán chi tiết dự án, gói thầu *(Phụ biểu số 04 và 05/BCKT-TKT-NSĐP)*

III. KIỂM TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BQLDA

1. Đối với BQLDA được NSNN cấp kinh phí hoạt động riêng *(nội dung kiểm toán áp dụng như đơn vị dự toán cấp 3)*

2. Đối với BQLDA, nguồn kinh phí hoạt động được trích theo tỷ lệ % quy định từ nguồn vốn đầu tư của từng dự án *(nội dung kiểm toán cơ bản áp dụng đối với đơn vị dự toán cấp 3 nhưng không phải phân theo mục lục NSNN)*

IV. KIỂM TOÁN VIỆC CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Tổ chức bộ máy kế toán

2. Chứng từ kế toán

3. Hệ thống tài khoản và sổ kế toán áp dụng

4. Báo cáo quyết toán

PHẦN THỨ HAI
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Xác nhận số liệu cơ bản của dự án theo kết quả kiểm toán:

- Nguồn vốn

- Vốn đầu tư thực hiện (*nếu không đủ điều kiện xác nhận số báo cáo thì xác nhận theo giá trị Báo cáo được kiểm toán)*

2. Chấp hành các luật, quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; chế độ tài chính - kế toán và văn bản pháp luật có liên quan

2.1. Chấp hành Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu; các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

2.2. Chấp hành chế độ quản lý tài chính, kế toán

2.3. Chấp hành các văn bản pháp luật khác có liên quan

3. Những phát hiện về sự bất cập của chính sách, chế độ và cơ chế quản lý đối với dự án

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với BQLDA...

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của KTNN

1.2. Kiến nghị xử lý các vấn đề tài chính (trong đó: nêu rõ số đề nghị nộp NSNN, số đề nghị giảm cấp phát, giảm khác,...)

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán, công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1.4. Xử lý trách nhiệm cá nhân liên quan đến sai phạm trong quá trình kiểm toán

1.5. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán.

2. Đối với cơ quan cấp trên của chủ đầu tư *(UBND...)*

3. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan *(Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế,...)*

4. Đối với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ *(nếu có)*

* * *

Đề nghị... *(đơn vị và cá nhân thực hiện kiến nghị)* thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính - Vật giá *(hoặc cơ quan chủ quản)* để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực... địa chỉ... trước ngày.../.../...

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, giảm dự toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ:

- Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm... theo Công văn số.../KV...- ... ngày.../.../... của Kiểm toán Nhà nước khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại... *(đối với các đơn vị được kiểm toán mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước)*

hoặc

- Nộp NSNN theo Công văn số.../KV...- ... ngày.../.../... của Kiểm toán Nhà nước khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước về các kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán tại...). *(đối với các đơn vị được kiểm toán không mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, thực hiện kiến nghị kiểm toán thông qua chuyển khoản ngân hàng).*

Báo cáo kiểm toán gồm... trang, từ trang... đến trang... và các Phụ biểu từ số... đến số... là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN
(Ký, họ tên và số hiệu thẻ KTVNN)

KIỂM TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ biểu số 01/BCKT-TKT-NSĐP

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN...
DO BQLDA CUNG CẤP

STT	Số, ngày... của văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Quyết định số...ngày.../.../...	Phê duyệt LCKTKT	Bộ (tỉnh)...		
2	...				
3	...				

Phụ biểu số 02/BCKT-TKT-NSĐP

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM... CỦA BQLDA...

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu (dự án)	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán được duyệt	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng hoàn thành năm...				Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành đến hết năm...				Giá trị thanh toán năm...				Lũy kế giá trị thanh toán đến hết năm...			
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác		XL	TB	KTCB khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng số																				
I. Nguồn vốn tập trung																				
1. Công trình khởi công mới trong năm KH																				
2. Công trình chuyển tiếp																				
3. Công trình hoàn thành, chưa thanh toán xong nhưng không được ghi KH																				
...																				
II. Nguồn khác																				

Phụ biểu số 03/BCKT-TKT-NSĐP

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DIỆN PHẢI ĐẤU THẦU, NHƯNG THỰC HIỆN CHỈ ĐỊNH THẦU HOẶC...

STT	Tên dự án, công trình (hạng mục công trình)	Giá trị dự toán được duyệt (đvt)	Giá chỉ định thầu (đvt)	Chênh lệch (đvt)	Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Người ký	Ghi chú
	Tổng cộng								

Phụ biểu số 04/BCKT-TKT-NSĐP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN...

Đơn vị tính:...

TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị báo cáo được kiểm toán	Chênh lệch	Chia ra			Thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
					Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng số	Nộp NSNN	Giảm thanh toán	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Các dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư**											
1												
2												
II	**Các dự án đã lập quyết toán vốn đầu tư nhưng chưa được phê duyệt**											
1												
2												
III	**Các dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán vốn nhưng đã có quyết toán A + B**											
1												
2												
IV	**Các dự án đang thực hiện**											
1												
2												
	Tổng cộng											

Phụ biểu số 05/BCKT-TKT-NSĐP

CHI TIẾT GIẢM TRỪ
Công trình:...
Hạng mục:...

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng Báo cáo Khối lượng kiểm toán	Đơn giá báo cáo Đơn giá Kiểm toán	Thành tiền báo cáo Thành tiền kiểm toán	Thành tiền chênh lệch	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1*2	4	5
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
	Cộng						

Ghi chú: Số gạch chân là số liệu của đơn vị, số không gạch chân là số liệu của Kiểm toán Nhà nước
Mẫu này áp dụng cho công trình đấu thầu lập đơn giá tổng hợp

Phụ biểu số 05a/BCKT-TKT-NSĐP

TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH DO KTNN XÁC ĐỊNH

Công trình:...

Hạng mục:...

STT	Nội dung công việc			Hệ số	Tổng số
I	**Chi phí trực tiếp**				
	Chi phí vật liệu:	(A)	x		=
	Chi phí nhân công:	(B)	x		=
	Chi phí máy thi công:	(C)	x		=
	Chi phí trực tiếp khác	(D)	x		=
II	**Chi phí chung:**		**x**		**=**
	...				
III	**Thu nhập chịu thuế tính trước:**		**x**		=
	...				
IV	**Thuế giá trị gia tăng đầu ra:**		**x**		**=**
	...				
	Cộng				

Ghi chú: Các hệ số thay đổi theo chế độ hiện hành và nếu công trình đấu thầu thì theo hệ số do các đơn vị dự thầu lập. Mẫu này áp dụng cho công trình đấu thầu lập theo đơn giá chi tiết hoặc công trình chỉ định thầu.

Phụ biểu số 05b/BCKT-TKT-NSĐP

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH

Công trình:...

Hạng mục:...

STT	Mã	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng đơn vị Khối lượng kiểm toán	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu đơn vị Vật liệu kiểm toán	Nhân công đơn vị Nhân công kiểm toán	Máy thi công đơn vị Máy thi công kiểm toán	Vật liệu đơn vị Vật liệu kiểm toán	Nhân công đơn vị Nhân công kiểm toán	Máy thi công đơn vị Máy thi công kiểm toán
1 2 3 4 5 6										
Cộng Cộng										
Tổng các chênh lệch										

Ghi chú: Số gạch chân là số liệu của đơn vị, số không gạch chân là số liệu của Kiểm toán Nhà nước.

Phụ biểu số 05c/BCKT-TKT-NSĐP

CHI TIẾT CHÊNH LỆCH GIÁ VẬT LIỆU

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Khối lượng			Đơn giá			Thành tiền chênh lệch
			Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	
	Cộng								

Phụ biểu số 06/BCKT-TKT-NSĐP

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM... CỦA...

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	**Các khoản phải nộp NSNN**		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN		
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XDCB		
II	**Giảm thanh toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XDCB		
III	**Giảm trừ dự toán**		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	**Các khoản giảm chi khác**		
	(Chi tiết các khoản)		
1			
2			
3			
...			

(Xem tiếp Công báo số 421 + 422)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 - 080.44597
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng